

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **36/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 14-7-2020

V/v “Ly hôn

và tranh chấp nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Minh Hiền**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phan Thanh Long**

2. Ông **Nguyễn Thanh Vân**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đoàn Ngọc Sơn** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà **Trần Hiền Diệu** – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 200/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2020 về việc: “Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2020/QĐXX - ST ngày 19 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Kim H**, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Số A, ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Bi đơn: Ông **Hồ Văn C**, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Số A, ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Tất cả có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20/4/2020, bản tự khai, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa bà Lê Thị Kim H trình bày:

Bà H và ông C kết hôn năm 2001 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tam Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2001. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh

phúc đến năm 2015, thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông C thường xuyên ghen tuông vô cớ, không cho sử dụng điện thoại di động dẫn đến vợ chồng thường cãi nhau trước mặt con cái. Do xác định không còn tình cảm với ông C nữa nên bà yêu cầu ly hôn với ông C. Bà H không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng sau ly hôn.

Quá trình chung sống có 02 con chung tên: Hồ Minh K, sinh ngày 18/9/2008 và Hồ Minh Đ, sinh ngày 30/3/2011, hiện đang sống với cả hai vợ chồng. Sau khi ly hôn, bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Trong bản tự khai, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa ông Hồ Văn C trình bày:

Về thời gian kết hôn và đăng ký kết hôn như bà H trình bày là đúng. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu cũng rất hạnh phúc, không có xảy ra mâu thuẫn gì lớn. Thời gian gần đây mới phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà H có mối quan hệ với người đàn ông khác nên làm đơn yêu cầu ly hôn. Do còn thương vợ, ông C đồng ý bỏ qua mọi chuyện để vợ chồng hàn gắn cùng lo cho hai con nên ông C không đồng ý ly hôn. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H thì ông C không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng sau ly hôn.

Quá trình chung sống có 02 con chung tên: Hồ Minh K, sinh ngày 18/9/2008 và Hồ Minh Đ, sinh ngày 30/3/2011, hiện đang sống với cả hai vợ chồng. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H, ông C yêu cầu được nuôi hai con chung, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng. Các bên đương sự tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Do mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng của bà H và ông C đã đến mức trầm trọng, đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông C. Về con chung: Bà H tiếp tục nuôi 02 con chung tên: Hồ Minh K, sinh ngày 18/9/2008 và Hồ Minh Đ, sinh ngày 30/3/2011, ông C không phải cấp dưỡng nuôi con do bà H tự nguyện không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên khai không có nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn ông Hồ Văn C có nơi cư trú tại ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông C kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tam Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre vào năm 2001 là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được đến năm 2015, thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bắt đầu quan điểm trong cuộc sống, không hiểu nhau, vợ chồng thường xuyên cãi nhau xuất phát từ việc ông C ghen tuông với bà H về việc bà H có mối quan hệ bất chính với người đàn ông khác. Tại biên bản làm việc ngày 21/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre với ông Lê Văn H (là anh ruột của bà H) và bà Bùi Thị L (là mẹ ruột của ông C) thể hiện mâu thuẫn phát sinh giữa bà H và ông C là do ông C ghen tuông với bà H về việc bà H có mối quan hệ với người đàn ông khác. Bà H không thừa nhận việc này. Vào năm 2019, bà H đã một lần làm đơn yêu cầu ly hôn với ông C tại Tòa án nhưng sau đó đã rút yêu cầu khởi kiện để vợ chồng hàn gắn tình cảm. Tuy nhiên, đến tháng 5 năm 2020, bà H có đơn yêu cầu ly hôn với ông C tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành lần thứ hai với nội dung mâu thuẫn của vợ chồng giống như lần trước. Điều này cho thấy bà H đã không còn tình cảm với ông C nên cương quyết ly hôn, việc hàn gắn giữa bà H và ông C không có kết quả. Điều đó đã chứng tỏ mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng của bà H và ông C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ vợ chồng. Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông C là phù hợp quy định pháp luật.

[3] Về con chung: Bà H và ông C có 02 con chung tên: Hồ Minh K, sinh ngày 18/9/2008 và Hồ Minh Đ, sinh ngày 30/3/2011, hiện đang sống với gia đình. Bà H và ông C đều có yêu cầu nuôi con chung. Xét việc giao con cho ai nuôi cần xem xét mọi mặt về điều kiện vật chất và tinh thần, sự phát triển bình thường của đứa trẻ. Tòa án đã ra thông báo số 200/TB-TA ngày 21/5/2020 về việc yêu cầu đương sự cung cấp chứng cứ chứng minh điều kiện nuôi con. Để chứng minh điều kiện

nuôi con của mình, bà H đã giao nộp giấy xác nhận số dư tiền gửi tại Ngân hàng Đông Á, Ngân hàng Agribank – Chi nhánh huyện Châu Thành và bản sao kê tiền lương hàng tháng; ông C giao nộp bảng lương các tháng 4, 5, 6 năm 2020 của Phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện Châu Thành. Xét thấy, ông C có công việc và thu nhập ổn định nhưng bà H cũng có công việc ổn định và thu nhập tiền lương cao hơn ông C, bản thân bà H có tài sản đảm bảo đủ điều kiện để chăm sóc giáo dục con chung, hiện tại cháu K và cháu Đ vẫn được tạo điều kiện học tập phát triển bình thường. Ngoài ra, tại biên bản ghi ý kiến con chung ngày 21/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, cháu K và cháu Đ cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ nếu cha mẹ phải ly hôn. Để đảm bảo việc phát triển ổn định về vật chất và tinh thần cho cháu K và cháu Đ nên giao hai con chung cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Bà H tự nguyện không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên khai không có nên không xét đến

[5] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà H phải chịu là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 56; 81; 82; 83; 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; khoản 1 Điều 273; Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Kim H đối với ông Hồ Văn C. Bà Lê Thị Kim H được ly hôn với ông Hồ Văn C. Quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị Kim H và ông Hồ Văn C chấm dứt kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ghi nhận bà Lê Thị Kim H và ông Hồ Văn C không yêu cầu cấp dưỡng cho vợ chồng sau khi ly hôn.

2. Về con chung: Bà Lê Thị Kim H được nuôi hai con chung là Hồ Minh K, sinh ngày 18/9/2008 và Hồ Minh Đ, sinh ngày 30/3/2011, ông Hồ Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Lê Thị Kim H tự nguyện không yêu cầu.

Ông Hồ Văn C được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom

để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên đương sự khai không có nên không xét đến.

4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị Kim H phải chịu là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0009973 ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Bà Lê Thị Kim H đã nộp xong án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu: HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Huỳnh Minh Hiền